

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 826 /UBND-VP135

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2016

V/v xây dựng Thông tư quy định quản lý và sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời văn bản số 11122/BTC-HCSN ngày 11/8/2016 của Bộ Tài chính về việc xây dựng Thông tư quy định quản lý và sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (CTMTQGGNBV) giai đoạn 2016-2020, sau khi nghiên cứu, Ủy ban Dân tộc dự kiến đề xuất về cơ chế tài chính, nội dung và mức chi cần thiết đối với nguồn vốn sự nghiệp (nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác) để thực hiện Chương trình 135 (dự án 2) thuộc CTMTQGGNBV giai đoạn 2016 - 2020 (kèm theo phụ lục).

Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQGGNBV giai đoạn 2016 – 2020. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: LĐ-TB&XH; NN&PTNT (để ph/h);
- Công TTĐT Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, VP 135 (5b). *MM*

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Đình Quế Hải

PHỤ LỤC

Một số đề xuất về cơ chế tài chính, nội dung và mức chi cần thiết đối với nguồn vốn sự nghiệp (nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác) để thực hiện Chương trình 135 (dự án 2) thuộc CTMTQGGBV giai đoạn 2016 – 2020

(Kèm theo công văn số 826/UBND-VP135 ngày 31/ 8 /2016 của Ủy ban Dân tộc)

I. Cơ cấu nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình 135

Vốn sự nghiệp thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 được thực hiện ở 3 nội dung: Duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (thuộc tiểu dự án 1 “Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn”); Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (tiểu dự án 2); Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn (tiểu dự án 3).

II. Nội dung và định mức

1. Duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (thuộc tiểu dự án 1 “Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn”):

a) Vốn duy tu bảo dưỡng được bố trí bằng 6,3% tổng mức đầu tư cơ sở hạ tầng của các tỉnh.

b) Công trình được duy tu, bảo dưỡng:

+ Những công trình hạ tầng phục vụ lợi ích chung trong phạm vi xã, thôn (kể cả những công trình hạ tầng được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc Chương trình 135) do cấp có thẩm quyền giao cho UBND xã hoặc cộng đồng quản lý được sử dụng vốn hỗ trợ duy tu bảo dưỡng của Chương trình 135 và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện (không bao gồm công trình trụ sở Ủy ban nhân dân xã).

+ Không sử dụng nguồn vốn duy tu bảo dưỡng cho việc sửa chữa lớn, nâng cấp các công trình hạ tầng, những công trình có quy mô liên xã hoặc những công trình phục vụ kinh doanh, dịch vụ ngoài công ích.

c) UBND xã là chủ đầu tư nguồn vốn duy tu bảo dưỡng của xã, trên cơ sở vốn được phân bổ, giao cho Ban quản lý cấp xã hoặc thôn có công trình duy tu bảo dưỡng lập dự toán chi tiết các nguồn vốn: hỗ trợ của ngân sách nhà nước, huy động, vật tư, lao động trong cộng đồng trình chủ đầu tư phê duyệt. Giá cả vật tư, lao động được tính theo mặt bằng giá tại khu vực xã do chủ đầu tư quyết

định. Tùy theo tính chất công việc, trưởng thôn tổ chức nhân dân trong thôn tự duy tu bảo dưỡng hoặc thành lập tổ, nhóm duy tu bảo dưỡng. Chủ đầu tư ký hợp đồng và tổ chức nghiệm thu, thanh toán với đại diện tổ nhóm thực hiện có xác nhận của trưởng thôn.

d) Trên cơ sở các quy định hiện hành về quản lý xây dựng cơ bản của Nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh hướng dẫn chi tiết thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (tiểu dự án 2).

Theo dự thảo Quyết định CTMTQGGNBV giai đoạn 2016-2020 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định Nhà nước thẩm định Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo) trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (văn bản số 6216/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 10/8/2016), tiểu dự án này do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện, trong đó Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo. Vì vậy, nội dung hướng dẫn và định mức chi đối với hợp phần này do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội dự kiến đề xuất.

3. Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn (tiểu dự án 3).

a) Đối tượng được nâng cao năng lực: Cộng đồng, cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Đối với cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng; cán bộ chi hội đoàn thể; cộng tác viên giảm nghèo; đại diện các tổ, nhóm sản xuất, các tổ duy tu và bảo dưỡng công trình hạ tầng; người có uy tín trong cộng đồng và người dân; ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ.

- Đối với cán bộ cơ sở: cán bộ xã và thôn, cán bộ khuyến nông/thú y cấp xã và thôn, bản; ưu tiên cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ.

b) Nội dung nâng cao năng lực:

Nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở các xã, thôn về quy trình, kỹ năng tổ chức, quản lý, thực hiện Chương trình 135 nói chung và các tiểu dự án của Chương trình 135 nói riêng, các vấn đề về dân tộc, nhân học, lồng ghép giới... trong giảm nghèo; quyền tham gia của cộng đồng vào các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện giám sát trong các hoạt động của Chương trình 135; hướng dẫn quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình 135 gắn với các chương trình, dự án giảm nghèo khác và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội.

c) Hình thức tổ chức hoạt động nâng cao năng lực.

- Hội nghị tập huấn.

+ Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cán bộ xã và thôn, bản: thời gian cho một lớp từ 3 đến 4 ngày, tối đa không quá 7 ngày.

+ Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cộng đồng: thời gian cho một lớp từ 2 đến 3 ngày, tối đa không quá 5 ngày. Hình thức tập huấn chủ yếu tập trung tại từng thôn, bản hoặc liên thôn bản, tổ chức hội nghị đầu bờ, tham quan học tập mô hình sản xuất, mô hình duy tu bảo dưỡng, mô hình tham gia của cộng đồng vào các khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát cộng đồng với các hoạt động của Chương trình.

Nếu xét thấy cần thiết thì có thể tập huấn lặp lại lần 2 sau 6 tháng hoặc 1 năm trở lên, nhưng phải lựa chọn nội dung cho thiết thực và thời gian tập huấn lại không quá 2 ngày.

- Chia sẻ kinh nghiệm, tham quan, học tập về nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở trong và ngoài tỉnh.

d) Tài liệu nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã, thôn.

- Tài liệu khung về một số chủ đề cụ thể phục vụ nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã, thôn do Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành, địa phương xây dựng.

- Tài liệu đặc thù của địa phương do cơ quan làm công tác Dân tộc của tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức biên soạn, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành và sử dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Tài liệu về nội dung nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng do các cơ quan, tổ chức có chức năng tư vấn, đào tạo, giảng dạy biên soạn và phát hành, được cơ quan làm công tác Dân tộc của tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh chấp thuận sử dụng tại địa phương.

e) Giảng viên(chuyên gia, báo cáo viên) hướng dẫn nâng cao năng lực tại hội nghị tập huấn.

Giảng viên (chuyên gia, báo cáo viên) hướng dẫn nâng cao năng lực có thể là cán bộ Trung ương hoặc địa phương (ưu tiên cán bộ công tác tại cơ quan quản lý/đào tạo/đơn vị tư vấn có nhiều năm kinh nghiệm đào tạo, bồi dưỡng Chương trình 135) có đủ năng lực theo quy định của pháp luật.

g) Cơ quan làm công tác Dân tộc của tỉnh là cơ quan chủ trì thực hiện nội dung nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở, có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành:

- Tham mưu cho UBND tỉnh quyết định số lượng chuyên đề cần thiết, thời gian giảng dạy mỗi chuyên đề. Tổ chức đấu thầu, lựa chọn đơn vị tư vấn hoặc giảng viên hướng dẫn nâng cao năng lực tại các hội nghị tập huấn theo quy định của pháp luật;

- Xác định nội dung, thời gian, địa điểm và tổ chức thực hiện việc chia sẻ kinh nghiệm, tham quan, học tập về nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở trong và ngoài tỉnh.

d) Kinh phí tổ chức nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở bằng hình thức tham quan, học tập trong và ngoài tỉnh tối đa không quá 20% tổng kinh phí kế hoạch vốn tiêu dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở xã, thôn hàng năm.

e) Nội dung và mức chi cần thiết:

* Nội dung chi bao gồm các hoạt động/nhiệm vụ liên quan đến tổ chức hội nghị tập huấn và tổ chức tham quan/học tập trong và ngoài tỉnh, bao gồm:

+ Chi biên soạn tài liệu (giáo trình) khung và tài liệu/chuyên đề phục vụ nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã, thôn (gồm chi biên soạn chương trình, giáo trình mới; Chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, giáo trình);

+ Chi thuê hội trường, phòng học (Loa đài, âm thanh, ánh sáng, phục vụ, vệ sinh, trông xe...);

+ Chi thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (máy chiếu, màn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác...);

+ Chi in ấn giáo trình tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học.

+ Chi mua văn phòng phẩm phát học viên, phục vụ mô phỏng, thảo luận, thực hành trong quá trình tập huấn (bút, giấy...);

+ Chi in và cấp chứng chỉ;

+ Chi trang trí lễ khai giảng và bế giảng;

+ Chi tổ chức kiểm tra cuối hội nghị tập huấn, chấm bài, xếp loại.

+ Chi khen thưởng học viên giỏi, xuất sắc.

+ Chi các hoạt động quản lý trực tiếp công tác đào tạo;

+ Chi hỗ trợ tiền ăn, ngủ, đi lại cho người dân và cán bộ cơ sở các xã, thôn (người hưởng lương và không hưởng lương).

+ Chi thù lao và hỗ trợ tiền ăn, ngủ, đi lại cho giảng viên (chuyên gia, báo cáo viên).

+ Chi hỗ trợ tiền ăn, ngủ, đi lại cho cán bộ tổ chức hội nghị tập huấn và tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế.

+ Chi phí cho việc tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (gồm chi tiền phương tiện đưa đón học viên khảo sát thực tế, chi hỗ trợ tiền ăn, chi hỗ trợ tiền nghỉ cho học viên. Các buổi chia sẻ mô hình/kinh nghiệm được tổ chức và có các nội dung chi như hội nghị, tập huấn với giảng viên (chuyên gia, báo cáo viên) là đại diện cơ quan chia sẻ mô hình hay về nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở.

* Mức chi:

- Các nội dung chi trên đây hiện có mức chi quy định tại các văn bản: Thông tư số 123/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 17/6/2009 quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Tuy nhiên, những văn bản trên thời gian ban hành áp dụng đã ngoài 05 năm, do vậy mức chi cần tính toán tăng gấp 1,5 lần mới phù hợp thực tế.

- Căn cứ hướng dẫn của trung ương và thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình 135, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức hỗ trợ cụ thể trên địa bàn.

www.LuatVietnam.vn